GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XII
KHOA TRUNG VĂN
THI GIỮA HỌC KỲ 5
MÔN: CỔ ĐẠI HÁN NGỮ
Giảng viên: TT.ThS. THÍCH MINH THANH

Phòng thi: 103 - Ni xá 2 (Tầng 1).

MSSV: 10129 đến 12626. Sinh viên học tín chỉ.

STT	MSV	HỌ TÊN		PHÁP DANH	GHI CHÚ
1	**TQ.10129**	**Nguyễn Xuân**	**Phú**	**T. Hữu Đạt**	**Học tín chỉ**
2	**TQ.11403**	**Nguyễn Minh**	**Tuyết**	**TN. An Châu**	**Học tín chỉ**
3	12024	Lê Anh	Đài	T. Nhuận Giác	
4	12050	Nguyễn Hữu	Hải	T. Đồng Đăng	
5	12053	Trần Minh	Hậu	T. Chúc Phúc	
6	12067	Đặng Hoàng	Hiếu	T. Thiện Hảo	
7	12074	Trần Minh	Hoàng	T. Phổ Nguyện	
8	12079	Nguyễn Nam	Hùng	T. Trí Ngộ	
9	12103	Phạm Minh	Luân	T. Tâm Minh	
10	12111	Nguyễn Thành	Nam	T. Trung Chánh	
11	12126	Bùi Huỳnh	Nho	T. Thiện Bảo	
12	12150	Trương Thanh	Quí	T. Thiện Phước	
13	12159	Trần Văn	Tài	T. Minh Hiếu	
14	12241	Giang Văn	Xương	T. Minh Đức	
15	12245	Đỗ Thị Kiều	Anh	TN. Hạnh Huy	
16	12280	Nguyễn Thị	Dung	TN. Huệ Pháp	
17	12283	Nguyễn Thị	Dung	TN. Hạnh Hiếu	
18	12297	Đỗ Thị Tuyết	Hạ	TN. Tuệ Ý	
19	12298	Đoàn Thị	Hai	TN. Quang Hảo	
20	12306	Phan Thị	Hằng	TN. Diệu Hiền	
21	12322	Trần Thị	Hiền	TN. Quang Tịnh	
22	12345	Đỗ Thị	Hồng	TN. Phổ Giác	
23	12389	Nguyễn Thị	Liễu	TN. Huệ Thông	
24	12411	Đoàn Thị	Lụa	TN. Hạnh Viễn	
25	12413	Nguyễn Thị Thanh	Luận	TN. Lệ Đạo	

26	12414	Đinh Thị	Lương	TN. Đồng Thiện	
27	12416	Bùi Thị	Ly	TN. Huệ Như	
28	12424	Nguyễn Nhật	Minh	TN. Năng Tường	
29	12438	Hồ Thị Hồng	Ngân	TN. Thanh Hân	
30	12439	Nguyễn Thị Kim	Ngân	TN. Hạnh Minh	
31	12481	Trịnh Thị Thu	Phúc	TN. Minh Đạt	
32	12502	Hoàng Thị	Sinh	TN. Lương Giải	
33	12519	Phan Thị	Thanh	TN. Hạnh Nhã	
34	12530	Nguyễn Thị	Thi	TN. Tâm Như	
35	12586	Nguyễn Thị Thanh	Trang	TN. Bổn Thanh	
36	12587	Trần Thị Thúy	Trang	TN. Trung Nghiêm	
37	12590	Đỗ Thị Nữ	Trinh	TN. Lương Quỳnh	
38	12626	Lê Thị Thúy	Vi	TN. Chúc Hòa	

VĂN PHÒNG HỌC VIỆN